

**CÔNG TY TNHH DƯỢC BẢO LINH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DƯỢC BẢO LINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAO LINH MEDICINE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110554113

**3. Ngày thành lập:** 27/11/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 21, ngõ 86 Tô Vĩnh Diện, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936193255

Fax:

Email: Duocbaolin23@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng                                            | 4632(Chính) |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn thuốc                              | 4649        |
| 3.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                        | 4652        |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết<br>- Mua bán trang thiết bị y tế                                                              | 4659        |
| 5.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh<br>- Bán buôn cao su<br>- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt | 4669        |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                                              | 8220        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.                 | 8299        |

|     |                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Đào tạo cao đẳng<br>Chi tiết: giáo dục nghề nghiệp                                                                                                                                                                      | 8533 |
| 9.  | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                             | 8552 |
| 10. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư)<br>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại<br>- Dạy đọc nhanh | 8559 |
| 11. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn giáo dục<br>- Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục                                                                                                              | 8560 |
| 12. | Cổng thông tin<br>(trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                               | 6312 |
| 13. | Quảng cáo<br>(Trừ quảng cáo trên không)                                                                                                                                                                                 | 7310 |
| 14. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin nhà nước cấm)                                                                                                                  | 7320 |
| 15. | Bán buôn tổng hợp<br>( Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                           | 4690 |
| 16. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                    | 4711 |
| 17. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)<br>- Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)<br>(Trừ đấu giá)                                              | 4719 |
| 18. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                        | 4722 |
| 19. | Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự                                                                                                                                                                            | 1074 |
| 20. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                                                                   | 1075 |
| 21. | In ấn<br>(Trừ các loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                    | 1811 |
| 22. | Dịch vụ liên quan đến in<br>(Trừ rập khuôn tem)                                                                                                                                                                         | 1812 |
| 23. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                                                                          | 2630 |
| 24. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                        | 4781 |
| 25. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                   | 4789 |

|     |                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 26. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>( Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                      | 4791 |
| 27. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi;                                                                           | 4931 |
| 28. | Bốc xếp hàng hóa<br>(Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)                                                                                                                                               | 5224 |
| 29. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>(Trừ hoạt động sản xuất phim điện ảnh)                                                                                       | 5911 |
| 30. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                   | 4741 |
| 31. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                | 4742 |
| 32. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ thuốc | 4772 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: ĐẶNG VĂN THẮNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 01/09/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001094002859

Ngày cấp: 20/07/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Văn Lãng, Xã Quang Trung, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Văn Lãng, Xã Quang Trung, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: ĐẶNG VĂN THẮNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/09/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001094002859

Ngày cấp: 20/07/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Văn Lãng, Xã Quang Trung, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Văn Lãng, Xã Quang Trung, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội